TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT
Ngày: 20 - 02 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miễn
Ông Hồ Minh Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công công trình xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần tập đoàn H V

Địa chỉ: Số 572, Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trần Tuấn H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Việt Kh – Chức vụ: Phó tổng giám đốc; Địa chỉ cư trú: Số 496/63/19A Dương Quảng Hàm, phường 6, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt ngày 12/02/2020, vắng mặt ngày 20/02/2020).

-*Bị đơn*: Tổng Công ty ĐLMN

Địa chỉ: Số 72, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Phước Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: 1/ Ông Huỳnh Hữu Q – Chức vụ: Giám đốc Công ty ĐLCM (Vắng mặt); 2/ Bà Trần Thị Thanh Tr – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Quản lý đầu tư – Công ty ĐLCM (Theo Văn bản ủy quyền số 5419 ngày 04/7/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thành Sang – Luật sư của Công ty luật TNHH Luật Sống thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ cư trú: Ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng TMCP QĐ

Địa chỉ: Số 21, Cát Linh, Phường C, quận Đ, HN.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP QĐ: Ông Lê Hữu Đức – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cơ quan đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP QĐ; Địa chỉ: Tầng G2, Nhà B4 Kim Liên, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/01/2019);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Ninh – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quốc Ninh: Bà Đinh Thị Lành – Chức vụ: Phó giám đốc TTXLN Công Ty MBAMC; Cư trú tại: Tầng G2, Nhà B4 Kim Liên, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Lành: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP QĐ (Có mặt).

2/ Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Hợp Nhất

Địa chỉ: Số 140, Trần Hưng Đạo, khóm 5, phường 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Hợp Nhất: Ông Phạm Minh Kiệt – Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

3/ Ban Quản lý dự án – Sở Xây dựng Cà Mau

Địa chỉ: Số 265, Trần Hưng Đạo, phường 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Ban Quản lý dự án – Sở Xây dựng Cà Mau: Ông Đặng Thái Nguyên – Chức vụ: Trưởng ban Quản lý dự án.

Người đại diện theo ủy quyền của Ban Quản lý dự án – Sở Xây dựng Cà Mau: Ông Hồ Văn Dững – Chức vụ: Phó Ban quản lý dự án (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Tổng Công ty ĐLMN là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Việt Kh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần tập đoàn H V (gọi tắt là Công ty H V) đã trúng gói thầu thi công số 15: Nhà làm việc Công ty ĐLCM (gọi tắc là Điện Lực Cà Mau). Vì vậy, các bên đã tiến hành ký hợp đồng thi công xây dựng số: CM2715196 ngày 24 tháng 11 năm 2015, với tổng giá trị hợp đồng là 41.368.000.000 đồng, thời gian thực hiện

hợp đồng là 420 ngày. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 201MD1533600345 do Ngân hàng TMCP QĐ – Chi nhánh Bắc Sài Gòn phát hành, giá trị bảo lãnh là: 4.136.800.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên ký kết các văn kiện thỏa thuận chung, bao gồm:

- Ngày 08/02/2017, hai bên ký văn bản tu chỉnh hợp đồng, thống nhất gia hạn thời gian hoàn thành công trình đến 30/11/2017.

- Ngày 16/8/2017, hai bên ký biên bản tu chỉnh hợp đồng, thống nhất thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty ĐLCM.

- Ngày 05/7/2018, hai bên ký phụ lục hợp đồng số CM2715196 thống nhất tăng giá trị bảo đảm hợp đồng từ 4.136.800.000 đồng lên 6.205.200.000 đồng theo thư bảo lãnh số 201MD1533600345 do Ngân hàng MB phát hành và thống nhất gia hạn thời gian hoàn thành công trình đến ngày 30/9/2017.

- Ngày 25/10/2018 hai bên ký phụ lục hợp đồng số CM2715196/PLHĐ-PCCM, thống nhất gia hạn thời gian hoàn thành công trình đến ngày 30/11/2018.

Sau thời hạn ngày 30/11/2018 công trình chưa được thi công hoàn thành, hai bên không thống nhất được việc tiến hành gia hạn hợp đồng và Công ty ĐLCM đã đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Nay phía Công ty H V yêu cầu:

- Hủy việc thu hồi bảo lãnh số 201MD1823600859 ngày 25/8/2018 do Ngân hàng MB phát hành với giá trị 6.205.200.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu Chủ đầu tư trả khoản lãi vay quá hạn tương ứng trong thời gian từ ngày 31/12/2019 đến ngày 22/5/2019 (143 ngày) là 364.661.753 đồng.

- Thanh toán khoản tiền giữ lại của nhà thầu là: 1.447.473.580 đồng.

- Thanh toán khoản lãi đối với khoản tiền chủ đầu tư giữ lại vượt quy định so với hợp đồng là 2.586.892.530 đồng từ ngày 24/12/2018 đến thời điểm 22/5/2019 (150 ngày), với số tiền lãi là 159.465.978 đồng.

- Thanh toán khối lượng Nhà thầu đã thi công hoàn thành là: 3.975.505.000 đồng.

- Thanh toán giá trị khối lượng vật tư Nhà thầu đã mua tại công trình là: 1.766.705.651 đồng.

Tổng giá trị yêu cầu giải quyết là: 13.919.011.962 đồng.

- Đồng thời yêu cầu Chủ đầu tư hoàn trả bản chính hồ sơ nghiệm thu thanh toán đợt 4 cho Nhà thầu và tạm dừng mọi hoạt động tại công trình nhằm giữ nguyên hiện trường cho đến khi tranh chấp được giải quyết.

Bà Trần Thị Thanh Tr là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn H V do trong quá trình thực hiện hợp đồng thi công, Công ty cổ phần Tập đoàn H V nhiều lần vi phạm hợp đồng như: Chất lượng không đúng, phải khắc phục thi công lại đối với những hạn mục nhỏ; Làm ảnh hưởng đến công trình lân cận, trong đó vi phạm cơ

bản nhất là chậm tiến độ hợp đồng. Ngày 10/7/2019 Công ty Điện lực có đơn yêu cầu phản tố buộc Công ty cổ phần tập đoàn H V phải chịu phạt vi phạm hợp đồng ở mức cao nhất là 3.730.566.240đ; Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ phải giao số tiền đảm bảo hợp đồng là 6.205.200.000đ và lãi suất chậm thực hiện giao tiền từ ngày 25/12/2018, tạm tính đến ngày 24/6/2019 là 310.260.000đ.

- *Ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP QĐ trình bày*: Ngân hàng TMCP QĐ (gọi tắt là MB) không đồng ý nội dung phản tố của Công ty ĐLCM theo nội dung Thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 881/TB-TLVA ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và đề nghị xem xét lại quyền phản tố của bị đơn theo Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trường hợp Công ty ĐLCM khởi kiện MB thì đề nghị Tòa án xác định lại tư cách khởi kiện và tách nội dung vụ án này giải quyết thành vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

- *Ông Phạm Minh Kiệt đại diện Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Hợp Nhất trình bày:* Phía Công ty CP tập đoàn H V có trúng gói thầu thi công Nhà làm việc Công ty ĐLCM. Thời hạn thực hiện hợp đồng, giá trị hợp đồng như các bên đã trình bày. Phía Tư vấn giám sát thực hiện quản lý số lượng, chất lượng vật tư, thời gian thực hiện hợp đồng... trong thời gian nhà thầu thực hiện hợp đồng. Nhưng phía Công ty ĐLCM cho phía Công ty CP tập đoàn H V gia hạn 4 lần, phía nhà thầu cũng không thực hiện đúng thời gian hợp đồng.

Đối với yêu cầu phạt hợp đồng giữa các bên, phía đại diện Công ty không có ý kiến.

Đối với vấn đề thanh toán chi phí bảo hành. Theo quy định thì sau khi hoàn thành thì mới thanh toán chi phí bảo hành. Vì thời điểm thanh toán là khi đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Phía nhà thầu chưa hoàn thành nên phía nhà thầu yêu cầu chi phí bảo hành là không hợp lý.

- *Ông Hồ Văn Dững đại diện Ban quản lý dự án trình bày:* Phía Ban quản lý thực hiện nhiệm vụ tư vấn, quản lý dự án hồ sơ trên hợp đồng. Đại diện Ban không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của các bên.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ các Điều 141, 145 Luật xây dựng; Điều 66 Luật Đấu Thầu; Điều 40, 41 Nghị Định 37/NĐ-CP; Điều 35 Nghị Định 46/NĐ-CP; Điều 200, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty ĐLMN trả số tiền lãi 364.661.753 đồng của phần bảo đảm thực hiện hợp

đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ với số tiền bảo lãnh là 6.205.200.000 đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty ĐLMN thanh toán khối lượng đã thi công hoàn thành với số tiền là 3.866.657.981 đồng và hoàn trả bản chính hồ sơ nghiệm thi thanh toán đợt 4.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần tập đoàn H V chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng số CM2715196, ngày 24/11/2015 với Công ty ĐLCM.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Tổng Công ty ĐLMN hoàn trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H V số tiền giữ lại vượt quá mỗi lần thanh toán là 1.411.472.150 đồng.

- Buộc Tổng Công ty ĐLMN hoàn trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H V số tiền vật tư dỡ dang còn lại tại công trình là 1.766.705.651 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty ĐLMN hoàn trả khoản tiền lãi 159.465.978 đồng của khoản tiền tạm ứng thanh toán vượt 2.586.892.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty ĐLMN về việc phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty cổ phần tập đoàn H V với số tiền là 3.730.566.240 đồng.

7. Không chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty ĐLMN về việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền 6.205.200.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 744.624.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/11/2019 Tổng Công ty ĐLMN kháng cáo với nội dung: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 16/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn giao lại số tiền giữ lại vượt quá mỗi lần thanh toán là 1.411.472.150 đồng; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả tiền vật tư dở dang còn lại tại công trình là 1.766.705.651 đồng.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với nguyên đơn và yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 6.205.200.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 744.624.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thống nhất chấm dứt hợp đồng thi công công trình xây dựng, phía nguyên đơn xác định việc chấm dứt hợp đồng thi công công trình xây dựng là do lỗi của phía bị đơn, cụ thể là bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không thông báo tạm dừng hợp đồng cho nguyên đơn và những phát sinh hạng mục tăng thêm nhưng chủ đầu tư không phê duyệt, không thỏa thuận theo hợp đồng dẫn đến việc nguyên đơn không hoàn thành công trình theo như hai bên thống nhất gia hạn hoàn thành công trình vào ngày 30/11/2018.

Phía bị đơn xác định nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng thỏa thuận ngày hoàn thành công trình là vào ngày 01/02/2017, nhưng khi hết hạn hợp đồng khối lượng đạt lũy kế chỉ được 24,85% so với hợp đồng. Sau 05 lần gia hạn hợp đồng thực hiện lên đến 1080 ngày (gấp 2,5 lần so với hợp đồng). Ngày 16/10/2018, nhà thầu cam kết thực hiện đến ngày 25/10/2018 lũy kế khối lượng sẽ đạt trên 85% và đầy đủ hồ sơ thanh toán, nếu không đạt thì chủ đầu tư có văn bản bản yêu cầu Ngân hàng tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng chuyển vào tài khoản của chủ đầu tư. Nhưng đến hết thời gian gia hạn hợp đồng lần 5, lần nghiệm thu ngày 24/12/2018, nhà thầu chỉ thực hiện lũy kế được 68,24% khối lượng hợp đồng. Vì vậy, ngày 28/12/2018 bị đơn có văn bản số 3729/PCCM-BQLDA gửi cho nhà thầu thông báo chấm dứt hợp đồng, đề nghị nhà thầu đến họp để trao đổi chấm dứt hợp đồng. Sau đó, đại diện nhà thầu không thực hiện cung cấp hồ sơ nghiệm thu các hạng mục thi công dở dang và các vật tư còn tồn động, cũng như không có yêu cầu khiếu nại gì, nên ngày 25/02/2019 chủ đầu tư – Công ty ĐLCM có Quyết định số: 258/QĐ-PCCM về việc chấm dứt hợp đồng thi công với Công ty cổ phần Tập đoàn H V. Để khắc phục thiệt hại, Công ty ĐLCM phải hợp đồng với đơn vị khác tiếp tục thi công công trình. Công ty ĐLCM đã tạo điều kiện rất nhiều để nhà thầu hoàn thành công trình, nhưng phía nhà thầu không thực hiện được. Việc chậm tiến độ đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho chủ đầu tư nên việc bị đơn chấm dứt hợp đồng là do lỗi của nguyên đơn.

[2] Xét trình bày của cả hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Phía nguyên đơn xác định bị đơn chấm dứt hợp đồng trái pháp luật do có các phát sinh tăng giảm nhưng bị đơn là chủ đầu tư không thống nhất và không phê duyệt cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, nguyên đơn không chứng minh được các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc phát sinh tăng giảm hoặc phê duyệt chậm trễ của chủ đầu tư hoặc có văn bản đề nghị phát sinh tăng giảm như thế nào để chủ đầu tư xem xét. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn cũng xác nhận không có văn bản đề nghị chủ đầu tư xem xét việc phát sinh tăng giảm hoặc chậm phê duyệt của chủ đầu tư. Việc nguyên đơn thừa nhận hai bên thống nhất gia hạn đến ngày 30/11/2018 sẽ hoàn thành bàn giao công trình nhưng đến ngày này phía nguyên đơn vẫn không thực hiện hoàn thành công trình để bàn giao mà chỉ thực hiện được được 68,24% khối lượng công trình. Do đó việc bị đơn chấm dứt hợp đồng là có căn cứ.

Khi chấm dứt hợp đồng thì cả hai bên phải thống nhất được khối lượng nghiệm thu và giải quyết tất cả các vấn đề có liên quan nhưng cả hai bên không thống nhất được các vấn đề như tiền bảo lãnh, bảo hành công trình, vật tư còn lại tại công trình cũng như việc thu hồi bảo lãnh nên mới phát sinh tranh chấp.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng số tiền 3.730.566.240 đồng do phía nguyên đơn vi phạm. Bị đơn quyết định chấm dứt hợp đồng vào ngày 25/02/2019, theo hợp đồng thi công xây dựng số: CM2715196 ngày 24 tháng 11 năm 2015 quy định thời gian thực hiện hợp đồng là 420 ngày và phụ lục hợp đồng số CM2715196/PLHĐ-PCCM ngày 25/10/2018, thống nhất gia hạn thời gian hoàn thành công trình đến ngày 30/11/2018. Tại mục 43.1 (BL 432) Điều kiện cụ thể quy định *"Mức phạt [(Giá trị HĐ vi phạm x 12%)/tiến độ)] x số ngày vi phạm"*. Như vậy theo quy định nêu trên, hai bên tự thỏa thuận trong hợp đồng thì chỉ tiến hành phạt khi bên nguyên đơn vi phạm tiến độ, trong khi về tiến độ thi công được cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất là gia hạn đến ngày 30/11/2018, đến ngày này phía nguyên đơn chưa thực hiện xong thì bị đơn có quyền chấm dứt hợp đồng, việc bị đơn chấm dứt hợp đồng là có cơ sở.

Luật sư tranh luận xác định nguyên đơn vi phạm tiến độ hợp đồng vì hợp đồng quy định thời gian thực hiện là 420 ngày, bị đơn chỉ gia hạn cho nguyên đơn thời gian để nguyên đơn thực hiện hợp đồng. Như vậy chính việc gia hạn của bị đơn là chấp nhận cho việc nguyên đơn vi phạm hợp đồng mà không quyết định phạt vi phạm hợp đồng cũng như không xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra kể từ ngày vi phạm tiến độ là ngày 02/02/2017 theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng nên không có căn cứ để xem xét phạt nguyên đơn vi phạm hợp đồng với số tiền là 3.730.566.240 đồng cũng như số tiền 1.483.244.000 đồng mà bị đơn thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm.

[3.2] Đối với yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ giao số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo thư bảo lãnh số 201MD1823600859 ngày 25/8/2018 là 6.205.200.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện chuyển giao tiền là 744.624.000 đồng. Đây là bảo lãnh đảm bảo thực hiện hợp đồng dưới hình thức thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bị đơn bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn là 6.205.200.000VNĐ. Số tiền bảo lãnh này nhằm để thực hiện nghĩa vụ do vi phạm hợp đồng từ phía nguyên đơn nhưng tính tới thời điểm hiện nay thì nguyên đơn không phát sinh nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nào đối với bị đơn. Tại tòa luật sư cũng tranh luận yêu cầu Ngân hàng chuyển khoản số tiền bảo lãnh cho bị đơn nhằm để đối trừ nghĩa vụ của phía nguyên đơn khi tiến hành thanh lý kết thúc hợp đồng, sau khi thanh lý hợp đồng xác định lại nghĩa vụ của nguyên đơn xong, nếu đối trừ còn thừa thì sẽ giao trả lại cho nguyên đơn. Hiện nay hai bên vẫn đang tiến hành thanh lý hợp đồng và phía bị đơn vẫn còn nghĩa vụ đối với nguyên đơn theo Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và mục ĐKC 5 trang 25 của Điều kiện cụ thể hợp đồng (BL 434) hai bên cũng thỏa thuận về việc hoàn trả bảo lãnh nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu Ngân hàng MB giao số tiền bảo lãnh và lãi suất chậm thực hiện giao tiền từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/10/2019 là 744.624.000 đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền giữ lại của nguyên đơn là 1.411.472.150 đồng. Đây là số tiền giữ lại 5% đối với khối lượng đã nghiệm thu và chỉ được hoàn trả khi kết thúc thời hạn bảo hành. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày theo nguyên tắc là khi hai bên tiến hành bàn giao công trình và tiến hành thanh lý thì lúc này nguyên đơn mới phát hành chứng thư bảo hành. Công trình đã xây dựng đạt 68,24% khối lượng, bị đơn chấm dứt hợp đồng do đến hạn hoàn thành công trình mà nguyên đơn chưa hoàn thành và hai bên cũng chưa tiến hành thanh lý hợp đồng nên việc bị đơn giữ lại số tiền 1.411.472.150 đồng để bảo hành công trình là có căn cứ theo đúng thỏa thuận tại mục 39 Điều kiện chung của hợp đồng (BL 438) nên cần sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu này.

[3.4] Đối với yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng vật tư nhà thầu đã mua tại công trình 1.766.705.651 đồng. Theo mục 27 Điều kiện chung quy định *"Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại ĐKCT để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình"*. Theo mục ĐKC 27.2 (BL 433) quy định *"Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm các loại vật tư, thiết bị xây dựng công trình theo quy định nhà nước. Riêng các vật tư thiết bị nhập khẩu phải cung cấp bản sao giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa(CQ)"*.

Khi kết thúc Hợp đồng do nhà thầu không cung cấp được hồ sơ quản lý chất lượng, nên chủ đầu tư mới không thống nhất nhận vật tư. Vì vậy, Công ty ĐLCM

không sử dụng và đã có yêu cầu nguyên đơn di dời vật tư ra khỏi công trình (Biên bản họp ngày 22/02/2019, và Văn bản số 1759/PCCM-BQLDA ngày 17/6/2019 của PC Cà Mau).

Bản án sơ thẩm nhận định *"theo quy định tại Điều 51.1 của hợp đồng thi công xây dựng ngày 24/11/2015 quy định: "nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu quy định tại mục 50 ĐKC, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu" và tại Điều 51.2 quy định: "nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư quy định tại mục 50 ĐKC, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu cho việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này". Với quy định trên, lẽ ra khi chấm dứt hợp đồng xây dựng với Công ty H V thì Điện lực Cà Mau phải lập biên bản xác định số lượng vật tư còn lại tại công trình để xác nhận giá trị là bao nhiêu, nhưng phía Điện lực Cà Mau không lập biên bản theo quy định tại Điều 51.1 và 51.2 của hợp đồng xây dựng để thanh toán dứt điểm với Công ty H V là sai với thỏa thuận tại hợp đồng"*. Theo hồ sơ thể hiện trước khi chấm dứt hợp đồng phía bị đơn đã có các biên bản họp và gửi các văn bản đến nguyên đơn như: Biên bản họp ngày 24/12/2018 (BL 759); Công văn số 179 ngày 21/01/2019 (BL 770); Công văn số 300 ngày 18/2/2019 (BL 767); Biên bản họp ngày 22/02/2019 (Bl 733)... với nội dung đề nghị nguyên đơn chốt lại khối lượng thi công, cung cấp hồ sơ liên quan đến khối lượng dang dở, dự toán phát sinh, hồ sơ quản lý chất lượng. Nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận văn bản, có tham gia cuộc họp, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng bị đơn không chấp nhận lập biên bản nghiệm thu cho nguyên đơn và đuổi nguyên đơn ra khỏi công trình nên lỗi là do bị đơn và bị đơn phải thanh toán các vật tư còn lại tại công trình cho nguyên đơn. Xét nguyên đơn có nhận được văn bản thông báo của bị đơn về việc cung cấp tài liệu liên quan để nghiệm thu công trình nhưng nguyên đơn không hợp tác. Theo điều khoản nêu trên để lập biên bản và có cơ sở thanh toán thì nguyên đơn phải cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan đến số vật tư này thì mới có cơ sở để bị đơn thanh toán nhưng nguyên đơn không hợp tác. Số vật tư do nguyên đơn quản lý từ thời điểm mua là tháng 10/2018, nguyên đơn rời khỏi công trình là tháng 7/2019, trước khi rời khỏi công trình thì nguyên đơn cũng không có bất cứ tài liệu nào chứng minh số vật liệu còn lại tại công trình là bao nhiêu và số vật liệu này đã được phía Công ty quản lý tư vấn giám sát ký xác nhận hay chưa nên không có căn

cứ chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vật tư này cho nguyên đơn, vật tư hiện tại còn lại tại công trình của bị đơn theo biên bản thẩm định ngày 13/02/2020, nguyên đơn phải có trách nhiệm di dời. Nếu nguyên đơn không tự di dời thì mọi hậu quả do nguyên đơn tự gánh chịu.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc buộc bị đơn giao lại số tiền giữ lại là 1.411.472.150 đồng và số tiền vật tư dở dang còn lại tại công trình là 1.766.705.651 đồng cho nguyên đơn. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với nguyên đơn số tiền là 3.730.566.240 đồng và yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 6.205.200.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 744.624.000 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 3.337.643.779 đồng, mức án phí là 98.752.876 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng)

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 10.680.390.240 đồng, trong đó bị đơn vẫn phải chịu án phí đối với yêu cầu phạt hợp đồng số tiền là 3.730.566.240 đồng vì yêu cầu này cấp sơ thẩm đã xem xét không chấp nhận và cấp phúc thẩm cũng không chấp nhận kháng cáo phần này. Mức án phí là 118.680.390 đồng (112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng).

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty ĐLMN về việc không chấp nhận khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn H V về việc buộc Tổng Công ty ĐLMN giao lại số tiền giữ lại của nguyên đơn là 1.411.472.150 đồng và số tiền vật tư dở dang còn lại tại công trình là 1.766.705.651 đồng cho Công ty cổ phần tập đoàn H V.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của Tổng Công ty ĐLMN về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với nguyên đơn số tiền là 3.730.566.240 đồng và yêu

cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 6.205.200.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 744.624.000 đồng.

Sửa bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 16/2019/KDTM-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ các Điều 141, 143, 145 Luật Xây Dựng; Điều 16, Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/205 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng Xây dựng. Điều 200, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty ĐLMN trả số tiền lãi 364.661.753 đồng của phần bảo đảm thực hiện hợp đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ với số tiền bảo lãnh là 6.205.200.000 đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty ĐLMN thanh toán khối lượng đã thi công hoàn thành với số tiền là 3.866.657.981 đồng và hoàn trả bản chính hồ sơ nghiệm thi thanh toán đợt 4.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần tập đoàn H V chấm dứt hợp đồng thi công xây dựng số CM2715196, ngày 24/11/2015 với Công ty ĐLCM.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn H V về việc buộc Tổng Công ty ĐLMN hoàn trả cho Công ty cổ phần tập đoàn H V số tiền giữ lại vượt quá mỗi lần thanh toán là 1.411.472.150 đồng, số tiền vật tư dở dang còn lại tại công trình là 1.766.705.651 đồng và khoản tiền lãi 159.465.978 đồng của khoản tiền tạm ứng thanh toán vượt 2.586.892.000 đồng.

Buộc Công ty cổ phần tập đoàn H V phải di dời số vật liệu xây dựng còn lại tại công trình theo biên bản thẩm định ngày 13/02/2020 ra khỏi Công ty ĐLCM.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Tổng Công ty ĐLMN về việc phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty cổ phần tập đoàn H V với số tiền là 3.730.566.240 đồng và yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần QĐ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 6.205.200.000 đồng và khoản lãi phát sinh là 744.624.000 đồng.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty cổ phần tập đoàn H V phải chịu là 98.752.876 đồng. Ngày 11/6/2019 Công ty cổ phần tập đoàn H V đã dự nộp 60.960.000 đồng theo biên lai số 0000267 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, Công ty cổ phần tập đoàn H V còn phải nộp tiếp số tiền 37.792.876 đồng.

Tổng Công ty ĐLMN phải chịu án phí là 118.680.390 đồng. Ngày 09/7/2019 Tổng Công ty ĐLMN đã dự nộp 59.123.000 đồng theo biên lai số 0000419 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, Tổng Công ty ĐLMN còn phải nộp tiến số tiền 59.557.390 đồng.

7. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng Công ty ĐLMN không phải chịu, đã dự nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000968 ngày 08/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà